

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-4-2020

“V/v kiện ly hôn và
yêu cầu nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Bà Vũ Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Cao Thế Lĩnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 300/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Kiện ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mộng T, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 14/10/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn **chị Trần Thị Mộng T** trình bày:

Vào năm 2009, chị kết hôn cùng với anh Nguyễn Trọng H, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại **Ủy ban nhân dân xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang ngày 30/5/2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 135/2011 quyền số 01/2011**. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H lại hay uống rượu say rồi kiếm chuyện với chị nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không thể dàn xếp được nên vợ chồng chị cũng ly thân từ thời gian đó. Nay, chị xét thấy vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 26/11/2011 hiện nay đang sống cùng với gia đình anh H.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, Về hôn nhân chị Trần Thị Mộng T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H. Về con chung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Trọng H không có mặt tại phiên tòa: Qua quá trình tiến hành tố tụng kể từ ngày thụ lý cho đến nay anh H không có mặt tại địa phương, qua thẩm tra, xác minh cũng không rõ anh H đi đâu và làm gì. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179, 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng anh H vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh H.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Kiện ly hôn và yêu cầu nuôi con chung” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chị T tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Trần Thị Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 26/11/2011 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Trần Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trọng H được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Trọng H với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mộng T và anh Nguyễn Trọng H xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn **trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 135/2011, ngày 30/5/2011**, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Trần Thị Mộng T xin ly hôn với anh Nguyễn Trọng H vì lý do vợ chồng chị thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H lại hay uống rượu say rồi kiếm chuyện cãi nhau với chị, mặc dù đã nhiều lần chị cho chồng cơ hội sửa đổi nhưng vô ích. Đối với anh Nguyễn Trọng H, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tiến hành mở phiên họp vào ngày 25/02/2020 và ngày 12/3/2020 nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh H đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị T khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng chị không gặp mặt nhau và không còn liên lạc với nhau nữa, bản thân chị thì không còn tình cảm dành cho chồng và chị T cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử thấy rằng, do trước khi kết hôn anh chị đã không tìm hiểu kỹ cá tính của nhau nên sau thời gian chung sống giữa chị T và anh H đã không còn duy trì được tình cảm yêu thương dành cho nhau nữa làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Trọng H đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh H vẫn không có mặt tại Tòa án để cung cấp chứng cứ và lời khai, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định: *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung”*. Do vậy, sau khi thẩm tra, xác minh cho thấy anh H vẫn còn hộ khẩu tại địa phương và Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định.

[3] Về con chung: Chị T xác định vợ chồng chị có một người con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 26/11/2011. **Chị T** có nguyện vọng được nuôi con, còn đối với anh H vì từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử anh H đều không có mặt và cũng không có gửi bản ý kiến nào đến Tòa án thể hiện nguyện vọng là anh H muốn được nuôi con tên Nguyễn Thị Thùy D nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của anh H. Đồng thời, cháu D cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Nguyễn Thị Thùy D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng chị không có tài sản chung cũng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn bằng 300.000đồng, chị Trần Thị Mộng T phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 179, 180, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Trọng H.

2. Về con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 26/11/2011** cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Mộng T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0005814**, ngày **03/12/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Trần Thị Mộng T đã nộp xong án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/4/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- **UBND xã H;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Danh Thị Kiều Oanh